

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao tài sản cố định cho các đơn vị quản lý, sử dụng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Công văn số 8380/BTC-QLCS ngày 13/6/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án bố trí, sắp xếp, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-CTUBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 10199/TTr-STC ngày 07/10/2025 (kèm theo đề nghị của UBND các xã, gồm: Yên Định tại Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 29/9/2025, Yên Trường tại Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 25/7/2025, Yên Phú tại Báo cáo số 202/BC-UBND ngày 22/8/2025, Quý Lộc tại Công văn số 291/UBND-KT ngày 22/8/2025, Yên Ninh tại Công văn số 389/UBND-KT ngày 25/8/2025, Định Hòa tại Công văn số 336/UBND-KT ngày 26/07/2025, Định Tân tại Báo cáo số 162/BC-UBND ngày 27/9/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản cho Đảng ủy và UBND các xã: Yên Định, Yên Trường, Yên Phú, Quý Lộc, Yên Ninh, Định Hòa, Định Tân và Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định quản lý, sử dụng, cụ thể như sau:

1. Đơn vị quản lý tài sản trước khi bàn giao (trước sắp xếp đơn vị hành chính): Huyện ủy, UBND huyện và Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định.

2. Đơn vị tiếp nhận tài sản: Đảng ủy và UBND các xã: Yên Định, Yên Trường, Yên Phú, Quý Lộc, Yên Ninh, Định Hòa, Định Tân và Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định.

3. Danh mục tài sản giao: Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo.

4. Lý do giao: Theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại mục 2 Công văn số 8380/BTC-QLCS ngày 13/6/2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Đảng ủy, UBND và Thủ trưởng các đơn vị được giao tài sản chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của thông tin, số liệu tài sản, nội dung báo cáo, thẩm định, trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Đảng ủy, UBND và Thủ trưởng các đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm bố trí, sử dụng tài sản theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện các thủ tục hành chính về hồ sơ có liên quan đến tài sản theo quy định; hạch toán tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai bổ sung quyền quản lý, sử dụng tài sản với cơ quan quản lý theo quy định; tổ chức quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí tài sản công; chi trả các chi phí có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có). Đối với tài sản công dôi dư, không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công hoặc thuộc trường hợp phải xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, Đảng ủy, UBND và Thủ trưởng các đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý theo quy định.

3. Đối với tài sản chưa xác định được năm đưa vào sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản, sau khi được giao tài sản, UBND xã Yên Định chủ trì, căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công điện số 06/CĐ-BTC ngày 25/8/2025 và Công văn số 15285/BTC-QLCS ngày 02/10/2025 của Bộ Tài chính, các quy định hiện hành của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện tiếp nhận và quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

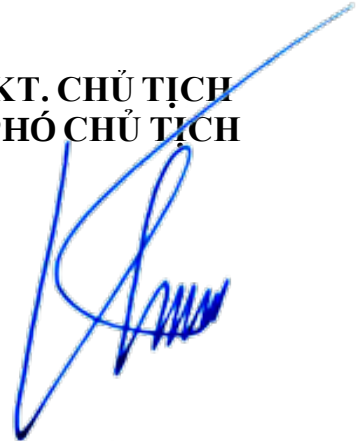
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch UBND các xã: Yên Định, Yên Trường, Yên Phú, Quý Lộc, Yên Ninh, Định Hòa, Định Tân; Giám đốc Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized 'M' followed by a series of loops and a horizontal stroke at the end.

Mai Xuân Liêm

Phụ lục số 01
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO CHO XÃ YÊN ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản của Huyện ủy Yên Định giao cho Đảng ủy xã Yên Định							
1	Đất trụ sở Huyện ủy	m ²	10.152	1990	22.334.080.000	22.334.080.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
2	Nhà ăn tập thể	m ²	268	2005	314.362.720	119.457.834	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
3	Nhà hội trường 1 tầng	m ²	169	1994	222.891.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
4	Nhà làm việc, nhà khách 02 tầng	m ²	430	2005	1.098.490.280	461.365.917	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
5	Nhà làm việc 02 tầng	m ²	602	1993	1.063.906.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
6	Nhà làm việc thường trực huyện ủy	m ²	730	2021	10.269.301.000	6.161.580.600	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
7	Trụ sở làm việc 05 tầng cơ quan huyện ủy	m ²	2.533	2014	22.596.832.000	17.625.528.960	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
8	Nhà để xe ô tô	m ²	147	1993	15.960.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
9	Hàng rào xây gạch	Cái	1	1995	31.104.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
10	Hàng rào hoa sắt	Cái	1	1995	16.393.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
11	Đường đá dăm rải nhựa	Cái	1	1993	99.840.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
12	Kè ao	Cái	1	1998	14.355.389	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
13	Máy Photocopy MP7500	Cái	1	2020	75.000.000	16.875.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
14	Máy điều hòa nhiệt độ SUMICURA	Cái	1	2007	10.788.571	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
15	Máy điều hòa nhiệt độ SUMICURA	Cái	1	2007	10.788.571	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
16	Máy điều hòa nhiệt độ SUMICURA	Cái	1	2007	10.788.571	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
17	Máy điều hòa nhiệt độ SUMICURA	Cái	1	2007	10.788.571	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
18	Máy điều hòa nhiệt độ SUMICURA	Cái	1	2007	10.788.571	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
19	Máy điều hòa nhiệt độ SUMICURA	Cái	1	2007	10.788.571	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
20	Máy điều hòa nhiệt độ SUMICURA	Cái	1	2007	10.788.571	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
21	Máy điều hòa Panasonic 02 cục 01 chiều 9000 BTU	Cái	1	2008	12.800.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
22	Máy điều hòa Panasonic 02 cục 01 chiều 9000 BTU	Cái	1	2008	12.800.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
23	Máy điều hòa Panasonic 02 cục 01 chiều 9000 BTU	Cái	1	2008	12.800.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
24	Máy điều hòa không khí	Cái	1	2024	19.250.000	16.843.750	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
25	Máy điều hòa Panasonic 10.000 BTU	Cái	1	2009	13.700.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
26	Máy điều hòa không khí	Cái	1	2024	19.250.000	16.843.750	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
27	Barie tự động BS-9406	Cái	1	2020	33.165.000	12.436.875	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
28	Máy điều hòa cây	Cái	1	2024	24.640.000	21.560.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
29	Máy điều hòa cây	Cái	1	2024	24.640.000	21.560.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
30	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	Cái	1	2006	11.364.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
31	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 12.000 BTU 02 chiều	Cái	1	2013	12.900.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
32	Máy điều hòa MITSUBISHI	Cái	1	2009	11.000.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
33	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	Cái	1	2006	11.364.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
34	Tivi LG 65 inch	Cái	1	2021	19.320.000	3.864.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
35	Máy điều hòa MITSUBISHI	Cái	1	2009	11.000.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
36	Máy điều hòa MITSUBISHI	Cái	1	2009	11.000.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
37	Máy điều hòa Mitsubishi	Cái	1	2006	11.364.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
38	Tivi LG 65 inch	Cái	1	2021	19.320.000	3.864.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
39	Máy điều hòa MITSUBISHI 10.000 BTU	Cái	1	2009	15.100.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
40	Máy điều hòa nhiệt độ 12.000 BTU 02 chiều	Cái	1	2013	13.000.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
41	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	Cái	1	2006	11.364.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
42	Tivi LG 65 inch	Cái	1	2021	19.320.000	3.864.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
43	Máy điều hòa nhiệt độ 12.000 BTU 02 chiều	Cái	1	2013	13.000.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
44	Máy điều hòa Panasonic 10.000 BTU	Cái	1	2009	13.700.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
45	Tivi LG 65 inch	Cái	1	2021	19.320.000	3.864.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
46	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	Cái	1	2006	11.364.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
47	Tivi LG 65 inch	Cái	1	2021	19.320.000	3.864.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
48	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi	Cái	1	2006	11.364.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
49	Tivi Panasonic42U20	Cái	1	2012	16.000.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
50	Âm ly Crown	Cái	1	2011	26.950.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
51	Âm Ly	Cái	1	2011	11.300.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
52	Bộ tăng âm loa. đầu quay vi tính. micro	Bộ	1	2006	55.814.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
53	Loa phát hội trường (loa gi)	Cái	1	2011	27.500.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
54	ModemADSL837	Cái	1	2006	10.879.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
55	Thiết bị chia mạng Switch 24 ports	Cái	1	2017	107.161.750	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
56	Tủ đứng cho hệ thống máy chủ	Cái	1	2017	13.585.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
57	Máy phát điện dự án cấp 2024	Cái	1	2024	480.600.000	420.525.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
58	Máy tính để bàn HP	Bộ	1	2015	10.668.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
59	Máy tính để bàn CMS	Bộ	1	2017	15.000.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
60	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2023	14.135.000	11.308.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
61	Máy vi tính để bàn viên mỏng	Bộ	1	2023	14.993.000	11.994.400	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
62	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2024	12.650.000	10.120.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
63	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2024	12.650.000	10.120.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Định
II	Tài sản của UBND huyện Yên Định giao cho UBND xã Yên Định							
1	Đất trụ sở UBND huyện. khu 5, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định	m ²	32.936	1987	362.298.200.000	362.298.200.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
2	Nhà làm việc 3 tầng (khu trước)	m ²	1.536	1995	2.045.910.200	460.761.752	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
3	Nhà bảo vệ cổng UBND huyện 1 tầng	m ²	21	1999	43.500.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
4	Nhà ăn (Câu lạc bộ) 1 tầng	m ²	311	2003	389.733.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
5	Nhà làm việc TTTDTT	m ²	380	1986	61.077.000	2.177.270	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
6	Nhà làm việc tư pháp (2 tầng)	m ²	262	1986	28.512.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
7	Nhà bảo vệ khu hội nghị 1 tầng	m ²	16	2004	69.010.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
8	Nhà khách hội nghị	m ²	320	2011	2.672.479.000	1.389.689.080	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
9	Nhà làm việc 3 tầng (khu sau)	m ²	1.458	2011	9.189.208.000	7.757.266.893	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
10	Nhà tiếp khách và họp 2 tầng	m ²	722	2011	3.128.705.000	1.741.645.783	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
11	Nhà làm việc bộ phận 1 cửa và nhà làm việc ban quản lý dự án	m ²	555	2023	2.777.354.000	2.406.854.976	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
12	Nhà để xe công vụ. nhà phòng chống lụt bão	m ²	234	2023	1.500.000.000	1.350.000.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
13	Nhà làm việc của các hội	m ²	267	2011	1.604.730.000	893.299.700	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
14	Đất Chi cục thuế cũ	m ²	900				UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
15	Nhà làm việc Chi cục thuế cũ	m ²	1.575,4				UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
16	Đất trụ sở Trung tâm VH-TDTT cũ	m ²	2.543,8				UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
17	Nhà 1 tầng Trung tâm VH-TDTT cũ	m ²	80				UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
18	Nhà 2 tầng Trung tâm VH-TDTT cũ	m ²	300				UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
19	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
20	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
21	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
22	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
23	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
24	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
25	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
26	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
27	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
28	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
29	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2000	11.592.727	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
30	Bục để tượng Bác Hồ	Cái	1	2013	20.000.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
31	Tivi LG 75inch nhà CLB	Cái	1	2023	21.560.000	19.404.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
32	Máy điều hòa cây	Cái	1	2015	43.350.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
33	Máy điều hòa cây	Cái	1	2015	43.350.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
34	Điều hòa Funiki	Cái	1	2023	26.400.000	23.760.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
35	Tivi LG 75inch	Cái	1	2023	21.560.000	19.404.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
36	Điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	1	2023	22.000.000	19.800.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
37	Điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	1	2023	22.000.000	19.800.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
38	Điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	1	2023	22.000.000	19.800.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
39	Điều hòa Panasonic 18000BTU	Cái	1	2023	22.000.000	19.800.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
40	Tủ gỗ đựng tài liệu (Kích thước: 2500x420x2000 mm)	Cái	1	2023	25.300.000	2.770.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
41	Máy phát điện Mitsubishi 100kw	Cái	1	2008	574.000.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
42	Máy lọc nước	Cái	1	2015	28.500.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
43	Máy điều hòa nhiệt độ Media 18000 BTU	Cái	1	2012	11.950.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
44	Máy điều hòa nhiệt độ 12000 BTU	Cái	1	2012	10.850.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
45	Máy điều hòa nhiệt độ 12000 BTU	Cái	1	2012	10.850.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
46	Tivi Sony 55 inch	Cái	1	2018	23.050.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
47	Tivi Samsung 55 inch	Cái	1	2018	20.050.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
48	Loa sân khấu MAXTIN - bass 30, cục suất tăng âm, bàn Mix MBC	Cái	1	2012	11.700.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
49	Loa sân khấu MAXTIN - bass 30, cục suất tăng âm, bàn Mix MBC	Cái	1	2012	11.700.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
50	Hệ thống Camera giám sát	Hệ thống	1	2018	120.021.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
51	Loa sân khấu BMC, bass 40 - Hội trường nhà văn hóa	Cái	1	2012	13.050.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
52	Loa sân khấu BMC, bass 40 - Hội trường nhà văn hóa	Cái	1	2012	13.050.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
53	Máy photocopy RICOH AFICIC MP 7502	Cái	1	2020	55.500.000	11.100.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
54	Màn hình led điện tử P2.5 (kích thước 2960x2000 mm)	Cái	1	2023	212.863.000	191.576.700	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
55	Máy photocopy	Cái	1	2013	99.000.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
56	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
57	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
58	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
59	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
60	Bộ điều khiển trung tâm OBT-3000 nguồn 220V	Bộ	1	2023	71.990.000	64.791.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
61	Máy toàn đạc điện tử Topcon Model GTS - 255	Cái	1	2018	78.000.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
62	Tủ inox	Cái	1	2019	18.744.000	7.029.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
63	Hệ thống thiết bị phòng họp trực tuyến	Hệ thống	1	2020	61.000.000	12.200.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
64	Trống đồng	Cái	1	2012	48.500.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
65	Cửa xếp điện và Barie cổng cơ quan và cổng khu hội nghị	Cái	1	2013	93.357.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
66	Thiết bị chống sét	Cái	1	2023	29.055.000	26.149.500	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
67	Thiết bị chống sét	Cái	1	2023	29.055.000	26.149.500	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
68	Tượng Bác Hồ bằng đồng	Cái	1	2013	660.450.000	0	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
69	Cây hoàng yến	Cây	1	2023	13.411.111	12.070.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
70	Cây hoàng yến	Cây	1	2023	13.411.111	12.070.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
71	Cây hoàng yến	Cây	1	2023	13.411.111	12.070.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
72	Cây hoàng yến	Cây	1	2023	13.411.111	12.070.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
73	Cây hoàng yến	Cây	1	2023	13.411.111	12.070.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
74	Cây hoàng yến	Cây	1	2023	13.411.111	12.070.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
75	Cây hoàng yến	Cây	1	2023	13.411.111	12.070.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
76	Cây hoàng yến	Cây	1	2023	13.411.111	12.070.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
77	Cây hoàng yến	Cây	1	2023	13.411.111	12.070.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
78	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
79	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
80	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
81	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
82	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
83	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
84	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
85	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
86	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
87	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
88	Cây xoài	Cây	1	2023	15.327.273	13.794.545	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Định
III	Tài sản của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định giao cho Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định							
1	Đất cơ quan	m ²	1.908,3	2001	8.768.430.000	8.768.430.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
2	Nhà làm việc 2 tầng	m ²	167,2	2007	118.242.903	33.108.013	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
3	Nhà làm việc 1 tầng	m ²	105	2007	245.021.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
4	Nhà thi đấu đa năng	m ²	1.541	2003	2.776.092.092	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
5	Sân Tennis	Cái	1	2010	963.557.500	240.889.375	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
6	Sân Tennis	Cái	1	2010	963.557.500	240.889.375	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
7	Máy vi tính	Bộ	1	2006	12.837.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
8	Máy vi tính màn hình mỏng	Bộ	1	2007	12.700.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
9	Máy phát hình 200W kép cũ	Cái	1	2011	250.229.073	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
10	Máy phát hình 200W mới	Cái	1	2011	365.300.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
11	Máy Camer Sony DVCAM DSR250, chân máy DSR250	Cái	1	2015	95.000.000	11.875.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
12	Máy quay thẻ XDCM sony PXW-X180	Cái	1	2017	248.170.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
13	Máy phát sóng FM Stereo 500W	Cái	1	2017	200.000.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
14	Bộ dựng phi tuyến chuẩn HD	Bộ	1	2018	72.730.000	18.182.500	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
15	Đài đước	Cái	1	2007	20.000.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
16	Máy bơm nước phòng cháy chữa cháy	Cái	1	2008	20.890.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
17	Máy quay phim HD 4K	Cái	1	2020	195.000.000	73.125.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
18	Bộ trộn Blackmagic ATEM Mini	Bộ	1	2020	11.150.000	4.181.250	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
19	Máy tính để bàn	Bộ	1	2023	14.950.000	8.970.000	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
20	Máy điều hòa	Cái	1	2010	10.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
21	Máy điều hòa	Cái	1	2010	10.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
22	Máy điều hòa	Cái	1	2010	10.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
23	Máy điều hòa	Cái	1	2010	10.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
24	Máy điều hòa	Cái	1	2010	10.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định
25	Máy điều hòa	Cái	1	2010	10.200.000	0	Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Yên Định	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Yên Định

Phụ lục số 02
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO CHO XÃ YÊN TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản của UBND huyện Yên Định và Huyện ủy Yên Định giao cho Đảng ủy xã Yên Trường							
1	Xe ô tô Toyota Corolla Altis	Cái	1	2023	792.000.000	739.173.600	UBND huyện Yên Định	Đảng ủy xã Yên Trường
2	Máy tính	Bộ	1	2023	14.960.000	11.968.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Trường
3	Máy tính	Bộ	1	2023	14.960.000	11.968.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Trường
4	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	Đảng ủy xã Yên Trường
5	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	Đảng ủy xã Yên Trường
II	Tài sản của UBND huyện Yên Định giao cho UBND xã Yên Trường							
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Trường
2	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Trường
3	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Trường

Phụ lục số 03
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO CHO XÃ YÊN PHÚ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản của Huyện ủy Yên Định giao cho Đảng ủy xã Yên Phú							
1	Máy tính để bàn	Bộ	1	2023	14.960.000	11.968.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Phú

Phụ lục số 04
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO CHO XÃ QUÝ LỘC
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản của Huyện ủy Yên Định giao cho UBND xã Quý Lộc							
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2023	14.960.000	11.968.000	Huyện ủy Yên Định	UBND xã Quý Lộc
2	Máy vi tính để bàn viền mỏng	Bộ	1	2022	14.993.000	11.994.400	Huyện ủy Yên Định	UBND xã Quý Lộc
3	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2022	12.650.000	10.120.000	Huyện ủy Yên Định	UBND xã Quý Lộc
II	Tài sản của UBND huyện Yên Định giao cho UBND xã Quý Lộc							
1	Xe ô tô Toyota Fortuner	Cái	1	2015	1.211.520.000	363.456.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Quý Lộc

Phụ lục số 05
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO CHO XÃ YÊN NINH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản của Huyện ủy Yên Định giao cho Đảng ủy xã Yên Ninh							
1	Máy tính để bàn HP	Bộ	1	2015	10.668.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Ninh
2	Máy tính để bàn CMS	Bộ	1	2017	15.000.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Ninh
3	Máy tính để bàn CMS	Bộ	1	2017	15.000.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Yên Ninh
II	Tài sản của UBND huyện Yên Định giao cho UBND xã Yên Ninh							
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Ninh
2	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Ninh
3	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Yên Ninh

Phụ lục số 06
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO CHO XÃ ĐỊNH HÒA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản của Huyện ủy Yên Định giao cho Đảng ủy xã Định Hòa							
1	Máy vi tính để bàn viền mỏng	Bộ	1	2023	14.993.000	11.994.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Định Hòa
2	Máy vi tính để bàn viền mỏng	Bộ	1	2023	14.993.000	11.994.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Định Hòa
3	Máy vi tính để bàn viền mỏng	Bộ	1	2023	14.993.000	11.994.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Định Hòa
4	Máy vi tính để bàn viền mỏng	Bộ	1	2023	14.993.000	11.994.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Định Hòa
5	Máy tính để bàn CMS	Bộ	1	2017	15.000.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Định Hòa
6	Xe ô tô Toyota Corolla Altis; Biển kiểm soát: 36A-002.46	Cái	1	2014	745.800.000	248.425.980	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Định Hòa
II	Tài sản của UBND huyện Yên Định giao cho UBND xã Định Hòa							
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Định Hòa
2	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Định Hòa
3	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Định Hòa

Phụ lục số 07
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO CHO XÃ ĐỊNH TÂN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị quản lý, sử dụng tài sản trước sắp xếp đơn vị hành chính	Đơn vị tiếp nhận
I	Tài sản của Huyện ủy Yên Định giao cho Đảng ủy xã Định Tân							
1	Ô tô Toyota Camry 05 chỗ; Biển kiểm soát: 36A-003.88	Cái	1	2014	800.000.000	213.253.444	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Định Tân
2	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2024	12.650.000	10.120.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Định Tân
3	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2024	12.650.000	10.120.000	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Định Tân
4	Máy vi tính để bàn HP	Bộ	1	2015	10.668.000	0	Huyện ủy Yên Định	Đảng ủy xã Định Tân
II	Tài sản của UBND huyện Yên Định giao cho UBND xã Định Tân							
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Định Tân
2	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Định Tân
3	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	2020	11.995.000	2.369.000	UBND huyện Yên Định	UBND xã Định Tân